



Định hướng phát triển thị trường thanh toán thẻ TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2015

ThS. BÙI QUANG TIÊN

Trong những năm qua, đặc biệt từ năm 2008 đến nay, các dịch vụ, phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) đã được phát triển mạnh và đa dạng. Bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện và phát triển các phương tiện truyền thống, nhiều dịch vụ, phương tiện mới, hiện đại, tiện lợi và tiện ích dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin như: Thẻ ngân hàng, Mobile Banking, Internet Banking, SMS Banking, Ví điện tử,... đã hình thành và đang đi dần vào cuộc sống, phù hợp với xu thế thanh toán của các nước trong khu vực và trên thế giới.

1. Thực trạng tình hình thanh toán thẻ hiện nay và kết quả đạt được

- Về phát triển thẻ: Tính đến cuối tháng 3/2012, có 47 Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (TCCUDVTT) đã phát hành được hơn 43,4 triệu thẻ, với trên 290

thương hiệu thẻ. Thẻ ghi nợ chiếm khoảng 94%, thẻ nội địa chiếm khoảng 93,7%. Ngoài ra còn 04 tổ chức đã đăng ký nhưng chưa phát hành thẻ. Các TCCUDVTT đã nỗ lực triển khai thêm nhiều dịch vụ mới ứng dụng trên thẻ, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, duy trì sự hoạt động ổn định, liên tục của hệ thống; tích cực phối hợp xử lý các tra soát, khiếu nại liên mạng. Đồng thời, các TCCUDVTT cũng tăng cường tiếp thị, quảng cáo về sản phẩm, dịch vụ của mình và áp dụng các hình thức khuyến mại thích hợp để phát triển thanh toán qua thẻ. Do vậy, số lượng thẻ phát hành đã tăng nhanh trong những năm qua.

- Về hệ thống ATM: Số ATM trên cả nước đến cuối tháng 3/2012 khoảng trên 13.500 máy, được trang bị đến hầu hết các trung tâm của các huyện, thị, thành phố trong cả nước. Trong thời gian qua, các NHTM đã không ngừng nâng cao chất

lượng, tiện ích của hệ thống ATM như thường xuyên tiếp quỹ vào ATM nhằm đảm bảo nhu cầu rút tiền mặt của khách hàng; niêm yết số điện thoại liên lạc tại các điểm đặt máy; phát hành bằng hướng dẫn các địa điểm đặt máy ATM của ngân hàng mình trên địa bàn và toàn quốc, liệt kê các đơn vị trong liên minh thẻ; phối hợp với công ty điện lực tại địa phương kiểm tra các máy ATM nhằm ngăn chặn tình trạng rò rỉ điện; phối hợp với Công an địa phương để xác định vị trí đặt ATM; bố trí cán bộ trực tại ATM đảm bảo an toàn tài sản cho ngân hàng và khách hàng... Nhìn chung, hệ thống ATM hoạt động tương đối ổn định, các sự cố, vụ việc xảy ra được các ngân hàng sở hữu máy phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý kịp thời.

- Về hệ thống POS: Các TCCUDVTT cũng rất tích cực triển khai lắp đặt POS để phát triển TTKDTM theo chỉ đạo của

...Dịch vụ thẻ ngân hàng mới có sự gia tăng về số lượng, chưa có nhiều sự chuyển biến về chất lượng; với mục tiêu cuối cùng là sử dụng thẻ để thanh toán hàng hóa, dịch vụ thay vì dùng tiền mặt, nhưng hiện nay người sử dụng thẻ chủ yếu là để rút tiền mặt tại ATM...

NHNN. Số lượng máy POS đến cuối tháng 3/2012 đã đạt gần 78.400 máy. Dưới sự chỉ đạo của NHNN Việt Nam và các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các NHTM và công ty chuyên mạch đã tích cực triển khai và cơ bản hoàn thành kết nối liên thông hệ thống POS trên toàn quốc. Đến cuối năm 2011 đã có khoảng trên 31.200 POS của hơn 30 Ngân hàng thương mại trên toàn quốc được kết nối liên thông.

- Kết quả thanh toán: Trong năm 2011, tổng số lượng giao dịch qua ATM đạt trên 488 triệu giao dịch với giá trị trên 632.264 tỷ đồng, trong đó, số lượng giao dịch rút tiền mặt chiếm khoảng 77,87%, số lượng giao dịch chuyển khoản chiếm khoảng 2,57%, số lượng giao dịch có tra soát khiếu nại chiếm khoảng 0,06%; tổng số lượng giao dịch qua POS đạt trên 15 triệu giao dịch với giá trị trên 77.000 tỷ đồng, trong đó số lượng giao dịch có tra soát khiếu nại chiếm khoảng 0,09%.

2. Một số tồn tại, hạn chế trong thanh toán thẻ

2.1. Các phương tiện, dịch vụ thanh toán thẻ hiện nay nói chung đã phát triển nhưng chưa hoàn thiện, phạm vi còn hẹp, chưa được triển khai trên diện rộng để đáp ứng nhu cầu thanh toán trong nền kinh tế. Các phương tiện thanh toán này còn mới mẻ và bỡ ngỡ với nhiều người dân; tâm lý e dè, ngại tìm hiểu, sợ rủi ro đã ngăn cản việc tiếp cận của người tiêu dùng với các hình thức thanh toán mới. Dịch vụ thẻ ngân hàng mới có sự gia tăng về số lượng, chưa có nhiều sự chuyển biến về chất lượng; với mục tiêu cuối cùng là sử dụng thẻ để thanh toán hàng hóa, dịch vụ thay vì dùng tiền mặt, nhưng hiện nay người sử dụng thẻ chủ yếu là để rút tiền mặt tại

ATM (chiếm đến 77% số lượng giao dịch thẻ thực hiện), việc chuyển khoản chỉ được thực hiện chủ yếu trong nội bộ từng ngân hàng; dịch vụ đi kèm ATM chưa phát triển. Số lượng POS lắp đặt còn ít, trùng lặp. Mặc dù hệ thống POS đã kết nối liên thông trên toàn quốc nhưng số lượng giao dịch qua POS vẫn còn ít, việc thanh toán qua POS chưa trở thành thói quen trong các giao dịch thanh toán của người dân.

2.2. Hạ tầng cơ sở kỹ thuật phục vụ cho hoạt động thanh toán thẻ phát triển chưa đồng bộ, mới tập trung ở các thành phố, đô thị, chưa chú trọng đến các vùng nông thôn, miền núi.

- Mặc dù số lượng ATM, POS được lắp đặt tăng qua các năm, nhưng số lượng ATM, POS còn thấp, phân bố chưa đều (chủ yếu tập trung tại các đô thị, khu công nghiệp).

- Chất lượng hoạt động của hệ thống cơ sở hạ tầng chung về hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông phục vụ thanh toán thẻ chưa đáp ứng được nhu cầu gia tăng về hoạt động thanh toán trong nền kinh tế; thiếu một hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, thông tin thống nhất, còn tiềm ẩn nguy cơ về an ninh, bảo mật; sự hợp tác giữa các nhà cung cấp dịch vụ với các ngân hàng gặp trở ngại do sự khác biệt về hệ thống quản lý, cơ sở dữ liệu...

- Hạ tầng kỹ thuật phục vụ các phương tiện, dịch vụ thanh toán thẻ đang trong quá trình được thiết lập; vốn đầu tư còn thiếu, hiệu quả sử dụng chưa cao; xuất phát điểm của mỗi ngân hàng khác nhau, khả năng đầu tư vốn, công nghệ khác nhau, chỉ có các NHTM lớn có tiềm lực về tài chính mới có khả năng đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động thanh toán thẻ theo công nghệ mới. Hệ thống core banking của các NHTM còn nhiều khoảng cách, khả năng kết nối liên thông giữa các ngân hàng còn gặp nhiều khó khăn.

2.3. Các giao dịch thanh toán thẻ trong khu vực dân cư chưa phát triển mạnh, phần lớn vẫn sử dụng tiền mặt. Ngay cả ở thành thị, nơi có điều kiện thuận lợi cho phát triển các phương tiện thanh toán mới, việc sử dụng tiền mặt vẫn còn phổ biến. Còn ở khu vực nông thôn, vùng sâu, xa thì điều kiện khó khăn, trở ngại hơn nhiều, do đó đại bộ phận người dân chưa có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ và tiện ích thanh toán hiện đại.

2.4. Công tác thông tin, tuyên truyền chưa thật đồng bộ và kịp thời. Các phương tiện thông tin đại chúng đôi khi còn phản ánh chưa khách quan, thường khai thác một số điểm yếu, lỗi kỹ thuật hoặc những hạn chế, vướng mắc trong hoạt động thanh toán mang tính cá biệt, khiến cho thông tin đến với công chúng thường một



chiều, gây mất lòng tin vào các phương tiện thanh toán mới.

2.5. Thực tế đã phát sinh những tội phạm mới trong lĩnh vực thanh toán thẻ, ATM, POS. Tỷ lệ giả mạo trong các giao dịch thanh toán thẻ tại Việt Nam có xu hướng tăng, giả mạo đã phát sinh tại các điểm chấp nhận thẻ và các đơn vị kinh doanh thương mại điện tử; quy mô của mỗi vụ việc cũng gia tăng và với số tiền giao dịch lớn. Nhiều vụ kẻ gian đột nhập, phá hỏng máy ATM lấy cắp tiền của các NHTM. Thẻ là lĩnh vực còn mới mẻ, nên chưa có đầy đủ các chế tài xử lý; ý thức phòng tránh giả mạo của người dân và các đơn vị chấp nhận thẻ còn thấp; sự phối hợp của các ngân hàng trong hoạt động quản lý rủi ro còn hạn chế.

2.6. Vai trò của Hội thẻ Ngân hàng Việt Nam còn chưa được đề cao trong việc thống nhất chủ trương, đầu tư, kết nối liên thông... thẻ của Hội viên.

3. Một số đề xuất giải pháp đẩy mạnh thanh toán thẻ trong thời gian tới

Thanh toán thẻ là lĩnh vực mới, phức tạp và thường xuyên có những thay đổi nhanh chóng do sự tác động của tiến bộ khoa học công nghệ. Việc phát triển các dịch vụ này, đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và phù hợp với tiến trình hội nhập là bước đi tất yếu. Để đẩy mạnh phát triển thanh toán thẻ trong thời gian tới cần tập trung vào một số giải pháp sau:

3.1. Chính phủ:

- Chỉ đạo các Bộ, Ngành phối hợp chặt chẽ với NHNN để thúc đẩy phát triển thanh toán thẻ tại Việt Nam, nhất là trong việc triển khai thực hiện Đề án Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015 vừa được Thủ tướng Chính phủ ban hành (Quyết định số 2453/QĐ-TTg).

- Đưa ra chủ trương mang tính chất bắt buộc các giao dịch thanh toán phải thực hiện qua hệ thống ngân hàng (trong đó có giao dịch thanh toán bằng thẻ ngân hàng). Trong quá trình thực hiện, có chính sách ưu đãi về phí, giá đối với cá nhân, tổ chức khi sử dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt nhằm tạo ra sự chênh lệch với việc thanh toán bằng tiền mặt.

3.2. Ngân hàng Nhà nước:

- Hoàn thiện đồng bộ hóa môi trường pháp lý cho hoạt động TTKDTM: tham

muờ trình Chính phủ sửa đổi Nghị định 64/2001/NĐ-CP về hoạt động thanh toán qua các TCCUDVTT, Nghị định 161/2006/NĐ-CP quy định về thanh toán bằng tiền mặt; hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc quản lý, giám sát và định hướng cho các dịch vụ, phương tiện thanh toán mới; nghiên cứu xây dựng, ban hành các văn bản nhằm tăng cường quản lý rủi ro trong lĩnh vực kinh doanh thẻ; xây dựng chuẩn riêng về thẻ thanh toán hoặc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về bảo mật, an toàn dữ liệu trong lĩnh vực thanh toán thẻ tại Việt Nam; xây dựng chính sách phí hợp lý đối với giao dịch thanh toán thẻ thông qua các mức phí giao dịch ATM, POS, chuyển mạch thẻ.

- Phối hợp với các Bộ, Ngành, địa phương triển khai có hiệu quả Đề án Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015.

- Đẩy mạnh công tác giám sát, đảm bảo an toàn, thông suốt, hiệu quả hệ thống ATM, POS, hệ thống chuyển mạch thẻ. Triển khai các biện pháp tăng cường công tác đảm bảo an ninh, an toàn trong lĩnh vực TTKDTM. Phối hợp với các cơ quan chức năng phát hiện, đấu tranh, phòng ngừa và xử lý các tội phạm liên quan tới việc sử dụng dịch vụ, phương thức thanh toán thẻ, ATM, POS, các phương thức thanh toán sử dụng công nghệ cao.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức thẻ quốc tế, các tổ chức thanh toán, các tổ chức cung ứng giải pháp thanh toán, các hiệp hội ngân hàng trong khu vực và trên thế giới để học hỏi kinh nghiệm, nắm bắt kịp thời xu hướng phát triển thanh toán qua thẻ để ứng dụng hiệu quả vào Việt Nam.

- Phối hợp với Bộ Thông tin, truyền thông các TCCUDVTT đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về thanh toán thẻ nhằm nâng cao nhận thức để thay đổi hành vi thanh toán thông qua vận động, phổ biến cho người sử dụng thẻ, đơn vị chấp nhận thẻ.

3.3. Các Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán:

- Thường xuyên duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ ATM, tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn trong giao dịch thẻ, làm tốt công tác chăm sóc, bảo vệ lợi ích của khách hàng.

- Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho mạng lưới chấp nhận thẻ, nhất là tại các trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí, du lịch,...; mở rộng kết nối hệ thống POS giữa các TCCUDVTT để thanh toán hàng hóa, dịch vụ. Bố trí hợp lý mạng lưới ATM, tăng cường lắp đặt ATM tại nơi điều kiện cho phép và có nhu cầu.

...Đẩy mạnh liên kết với các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ thanh toán theo định kỳ, thường xuyên để mở rộng mạng lưới, nâng cao các tiện ích thanh toán qua ATM, POS...

- Đẩy mạnh liên kết với các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ thanh toán theo định kỳ, thường xuyên để mở rộng mạng lưới, nâng cao các tiện ích thanh toán qua ATM, POS.

- Có các biện pháp kích thích như giảm phí, khuyến mãi, tích điểm, quay xổ số... để khuyến khích người tiêu dùng mua hàng hóa, dịch vụ thanh toán qua POS.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, quảng bá về dịch vụ thanh toán thẻ; hướng dẫn cho người dân, các đơn vị chấp nhận thẻ về thao tác thanh toán thẻ qua POS.

- Từng bước nghiên cứu, chuyển đổi từ thẻ từ sang thẻ chip để tăng thêm độ an toàn và tiện ích sử dụng thẻ.

3.4. Các tổ chức chuyển mạch thẻ

Tập trung xây dựng, hoàn thành và đưa vào vận hành Trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất, bảo đảm tiến độ quy định, qua đó tạo nền tảng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho thanh toán thẻ, đảm bảo an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán thẻ và làm cơ sở cho việc phát triển thẻ và thanh toán hiện đại phát triển.

3.5. Các Bộ, ngành:

- Bộ Tài chính: Ban hành các chính sách ưu đãi (giảm thuế hoặc tương tự như giảm thuế), mở rộng hơn nữa phạm vi, đối tượng tác động của các chính sách thuế cho các đối tượng trực tiếp tham gia thực hiện hoạt động thanh toán thẻ, như: giảm

(Xem tiếp trang 31)

NHTM có quy mô lớn và bề dày kinh nghiệm để tạo lực đẩy cho sự phát triển và hoạt động hiệu quả của các NHTM CP loại này, tạo sự phát triển chung của ngành ngân hàng, trở thành đối tác tin tưởng cho các NHTM có lợi thế.

Song hiện nay xu hướng dịch chuyển, cạnh tranh nguồn nhân lực đang diễn ra ngược lại. Các NHTM có tiềm lực tài chính, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, NHTM NN đã được cổ phần hoá đang đưa ra các chính sách lương, thưởng khá hấp dẫn, thu hút người có kinh nghiệm và có trình độ. Do đó, nguồn nhân lực có chất lượng từ các NHTM CP có quy mô nhỏ, NHTM CP khó khăn đang có xu hướng chạy sang các NHTM có chính sách thu nhập tốt hơn, NHTM có chiều hướng phát triển tốt. Thậm chí không ít chức danh quan trọng đang có sự dịch chuyển từ NHTM NN đã cổ phần hóa về giữ các chức danh lãnh đạo của NHNN Trung ương. Nhiều ý kiến cho rằng sự dịch chuyển đó là việc bình thường, vì các NHTM CP khó khăn đang phải cơ cấu lại mạnh mẽ, tương lai không rõ ràng, thưởng và thu nhập nói chung thấp, nên họ dịch chuyển sang các NHTM có xu hướng phát triển bền vững là hợp "quy luật". Những người có kinh nghiệm từ NHTM chuyển về NHNN là hết sức cần thiết, vì đó là những người đã trải qua thực tiễn, nên về NHNN trung ương tham gia xây dựng và điều hành chính sách, tham gia quản lý nhà nước sẽ sát thực tiễn hơn, làm cho chính sách đi vào thực tiễn hơn!

Một số quan điểm cho rằng, trong cơ chế thị trường, sự dịch chuyển nguồn nhân lực, hay sự phát triển nguồn nhân lực là chuyện bình thường. Song một số ý kiến giờ đây lại cho rằng, đây rõ ràng là sự cạnh tranh không bình đẳng xuất phát từ điều kiện không bình đẳng giữa các NHTM với nhau.

- Bốn là, việc khống chế mức tăng trưởng tín dụng. Năm 2010 và năm 2011 mức khống chế tốc độ tăng trưởng tín dụng được áp dụng chung, cào bằng cho các NHTM, kể cả Ngân hàng có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, năm 2012 mức khống chế được áp dụng cho 4 nhóm NHTM được phân loại.

Vấn đề đặt ra là các chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài mới khai trương hoạt động, nhưng dư nợ thấp, do đó mức tăng 17% hay 22% dư nợ so với năm trước, nhưng số

tuyệt đối chỉ tăng thêm có vài chục tỷ đồng hay 100 – 200 tỷ đồng. Mức tăng thấp cào bằng này một mặt ảnh hưởng đến những dự án thu hút đầu tư nước ngoài của chính những ngân hàng cam kết đối với chủ dự án, đối với chủ đầu tư, trong khi Việt Nam cần thu hút đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, các ngân hàng này ban đầu chi phí lớn, thua lỗ, cần phải mở rộng tín dụng, tăng nguồn thu, cân bằng thu nhập, đảm bảo năng lực tài chính. Do đó, quy định giới hạn tăng trưởng tín dụng như nêu trên làm cho các NH như đã đề cập hết sức khó khăn trong hoạt động

Tương tự, các NHTM CP quy mô nhỏ, dư nợ mới đạt khoảng 7.000 – 8.000 tỷ đồng hay trên 10.000 tỷ đồng, thì mức tăng thêm dư nợ cho vay về số tuyệt đối chỉ vài trăm tỷ đồng hay 1.000 – 2.000 tỷ đồng, trong khi đó con số tuyệt đối đối với các NHTM quy mô lớn số tuyệt đối được tăng thêm tới vào chục nghìn tỷ đồng, thậm chí lên tới 50.000 – 60.000 tỷ đồng. Bởi vậy, không ít quan điểm cho rằng đây là một dạng cạnh tranh thiếu bình đẳng giữa các NHTM.

Trong giai đoạn hiện nay, NHNN quay trở lại sử dụng một số công cụ trực tiếp, biện pháp hành chính trong hoạt động ngân hàng, trong điều hành chính sách tiền tệ. Các công cụ và chính sách đó được áp dụng chung cho tất cả các NHTM có điều kiện hoạt động, có lợi thế cạnh tranh khác nhau, nên có thể làm nảy sinh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh.

Cạnh tranh không lành mạnh và không bình đẳng trong cạnh tranh của hoạt động ngân hàng có mối quan hệ với nhau và có một số ranh giới không rõ ràng, khó có giải pháp hữu hiệu, tuyệt đối cho tình trạng đó trong điều kiện nước ta hiện nay. NHNN đang trình Chính phủ dự thảo về cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng. Nhưng dù Nghị định đó có được ban hành thì tình trạng thiếu bình đẳng trong cạnh tranh hoạt động ngân hàng cũng không sớm khắc phục được. Cùng với quá trình hội nhập và phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam, với việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế và khu vực, tình trạng thiếu bình đẳng trong cạnh tranh kỳ vọng sẽ được khắc phục từng bước. Vì vậy, bài viết chỉ khái quát và nêu lên cách nhìn nhận về vấn đề này xin được trao đổi với những người quan tâm đến chủ đề ■

Định hướng...

(Tiếp theo trang 21)

thuế VAT hoặc có chính sách khuyến khích tương tự như giảm thuế đối với các đại lý chấp nhận thẻ khi chấp nhận thanh toán bằng thẻ; nghiên cứu điều chỉnh giảm hạn mức giao dịch thanh toán tối thiểu phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng để được xem xét khấu trừ thuế VAT; nghiên cứu quy định chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (cho phần doanh thu thực hiện thanh toán qua thẻ) hoặc thưởng cho các đơn vị nhận thanh toán bằng phương thức thanh toán này.

- Bộ Công thương: Xây dựng và áp dụng các biện pháp hành chính, có các hình thức thi đua, khen thưởng, vinh danh, xếp hạng, đánh giá doanh nghiệp bán lẻ để khuyến khích thanh toán thẻ qua POS.

- Bộ Kế hoạch – Đầu tư: Bổ trí nguồn vốn hợp lý để đầu tư phát triển thanh toán thẻ; tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính, tiền quốc tế để nhận hỗ trợ vốn phát triển thanh toán thẻ.

- Bộ Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước các TCCUDVTT làm tốt công tác thông tin tuyên truyền về phát triển TTKDTM nói chung và thanh toán thẻ nói riêng.

3.6. Hội thẻ Ngân hàng Việt Nam:

- Phối hợp với các Hội viên tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về thanh toán thẻ cho người dân và các chương trình khuyến mại về thanh toán thẻ.

- Tăng cường hơn nữa trong việc thống nhất các chủ trương, chính sách, đầu tư, kết nối liên thông, chia sẻ lợi ích khi thanh toán bằng thẻ quốc tế... thẻ của hội viên.

Để thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra trong Đề án Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015, trong thời gian tới đề nghị các đơn vị cần tích cực phối hợp, thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên và trong Đề án dưới sự chỉ đạo, điều hành của NHNN và các Bộ, ngành liên quan và sự hỗ trợ, phối hợp của Hội thẻ ngân hàng Việt Nam ■